

Số: 22/TB-THDL

Tân Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và
nguồn khác quý III năm 2025 của trường tiểu học Đoàn Lập**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 về công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH_THDL ngày 12/9/2025 của Trường Tiểu học Đoàn Lập về thực hiện công tác công khai năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-THDL ngày 09/10/2025 của Trường tiểu học Đoàn Lập về việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và nguồn khác quý III năm 2025 của trường tiểu học Đoàn Lập;

Trường Tiểu học Đoàn Lập thông báo về việc niêm yết công khai như sau:

1. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Ban chỉ đạo chỉ đạo thực hiện quy định công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025 – 2026.

2. Địa điểm niêm yết: Bảng tin công khai, Website <http://thdoanlap.haiphong.edu.vn>. Kỳ họp hội đồng sư phạm.

3. Thời gian niêm yết: Từ ngày 9 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 10 tháng 11 năm 2025.

4. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 9 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 10 tháng 11 năm 2025.

5. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hộp thư của nhà trường (Địa chỉ: tl-thdoanlap@haiphong.edu.vn).

6. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất là 20/11/2025.

Nơi nhận:

- Bộ phận công khai;
- Lưu : VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG


Vũ Thị Minh

Số: 124/QĐ-THDL

Tân Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và nguồn khác quý III năm 2025 của trường tiểu học Đoàn Lập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐOÀN LẬP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 về công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước và nguồn khác quý III năm 2025 của trường tiểu học Đoàn Lập;
(Theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Thời gian công khai: Từ ngày 9 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 10 tháng 11 năm 2025.

Điều 3. Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, Kế toán, Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Minh

Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập
Chương: 822

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đoàn Lập, ngày 09 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
Quý III năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 124/QĐ- THĐL ngày 09/10/2025 của Trường Tiểu học Đoàn Lập)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11,047,722,161	7,542,058,309	68%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	11,047,722,161	7,542,058,309	68%	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11,047,722,161	7,542,058,309	68%	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7,912,289,513	5,805,748,309	73%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,135,432,648	1,736,310,000	55%	

Ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾ TOÁN

Bùi Thị Thủy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Vũ Thị Minh

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Chương: 822

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý III năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 124/QĐ- THĐL ngày 09/10/2025 của Trường Tiểu học Đoàn Lập)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	7,542,058,309	7,542,058,309	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7,542,058,309	7,542,058,309	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7,542,058,309	7,542,058,309	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5,805,748,309	5,805,748,309	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,736,310,000	1,736,310,000	

Ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾ TOÁN

Bùi Thị Thủy

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Vũ Thị Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH
NGUỒN NGÂN SÁCH VÀ NGUỒN KHÁC QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 124/QĐ- THĐL ngày 09/10/2025 của Trường Tiểu học Đoàn Lập)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
A	NGUỒN NGÂN SÁCH TỪ 01/1/2025 đến 30/9/2025	
I	Thu ngân sách cấp	11,047,722,161
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn 13)	7,912,289,513
1.1	Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn)	7,025,837,513
1.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản theo lương (đã trừ 10% tiết kiệm chi đầu năm)	886,452,000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3,135,432,648
2.1	Kinh phí sửa chữa cấp bách khắc phục hậu quả sau cơn bão số 03 (Yagi) trường tiểu học Đoàn Lập năm 2024 chuyển sang	462,100,000
2.2	Kinh phí sửa chữa nhà lớp học và phụ trợ trường tiểu học Đoàn Lập	850,000,000
2.3	Kinh phí sửa chữa tiểu học Đoàn Lập và cải tạo sửa chữa trường tiểu học Đoàn Lập. Hạng mục: Nhà lớp học và phụ trợ	400,000,000
2.4	Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm Quản lý tài sản, Phần mềm quản lý cán bộ năm 2025	12,000,000
2.5	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và kinh phí học bổng cho học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2024-2025	12,210,000
2.6	Kinh phí quỹ khen thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	361,269,000
2.7	Kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm theo Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố	1,037,853,648
II	Tổng chi ngân sách	7,542,058,309
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm (nguồn 13)	5,805,748,309
1.1	Chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, BHTNNN)	4,736,250,353
1.2	Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản theo lương (đã trừ 10% tiết kiệm chi đầu năm)	1,069,497,956
1.2.1	Chi tiền lương của Bảo vệ lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022	97005056
1.2.2	Chi tiền thưởng	14,978,000
1.2.3	Chi phúc lợi tập thể	75,682,000
1.2.4	Chi tiền điện	9,958,032
1.2.5	Chi ttanh toán dịch vụ công cộng	9,200,000

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1.2.6	Chi văn phòng phẩm	11,680,000
1.2.7	Chi mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	467,400,000
1.2.8	Khoản văn phòng phẩm	8,150,000
1.2.9	Vật tư văn phòng khác	17,895,000
1.2.10	Chi thuê bao Cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	4,884,000
1.2.11	Chi sách, báo, tạp chí thư viện	2,477,800
1.2.12	Chi khoán công tác phí	14,400,000
1.2.13	Chi thuê thiết bị	23,000,000
1.2.14	Chi thuê lao động dọn vệ sinh sân trường, khu hiệu bộ, nhà vệ sinh	59,205,000
1.2.15	Chi sửa chữa, duy tu tài sản các thiết bị công nghệ thông tin	21,378,000
1.2.16	Chi sửa chữa, duy tu tài sản đường điện, cấp thoát nước	22,365,000
1.2.17	Chi sửa chữa, duy tu tài sản các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	48,570,070
1.2.18	Chi sửa chữa, duy tu tài sản c và các thiết bị chuyên dùng	10,540,000
1.2.19	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	143,343,998
1.2.20	Chi các khoản phí và lệ phí	2,486,000
1.2.21	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	3,300,000
1.2.22	Chi tuyên truyền, quảng cáo	1,600,000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,736,310,000
2.1	Kinh phí sửa chữa cấp bách khắc phục hậu quả sau cơn bão số 03 (Yagi) trường tiểu học Đoàn Lập năm 2024 chuyển sang	462,100,000
2.2	Kinh phí sửa chữa nhà lớp học và phụ trợ trường tiểu học Đoàn Lập	850,000,000
2.3	Kinh phí sửa chữa tiểu học Đoàn Lập và cải tạo sửa chữa trường tiểu học Đoàn Lập. Hạng mục: Nhà lớp học và phụ trợ	400,000,000
2.4	Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm Quản lý tài sản, Phần mềm quản lý cán bộ năm 2025	12,000,000
2.5	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và kinh phí học bổng cho học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2024-2025	12,210,000
III	Tồn ngân sách	3,505,663,852
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Nguồn 13)	2,106,541,204
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Nguồn 12)	1,399,122,648
2.6	Kinh phí quỹ khen thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP (Nguồn 18)	361,269,000
2.7	Kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm theo Nghị Quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố	1,037,853,648
B	THU KHÁC TẠI ĐƠN VỊ	
B.1	Học thêm Tiếng Anh với giáo viên nước ngoài	
1	Tồn 30/6/2025 chuyển sang	0

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
2	Tổng thu.	123,611,000
3	Tổng chi.	118,753,088
3.1	Chi quản lý ban giám hiệu, quản lý quỹ, quản lý lớp chủ nhiệm	14,524,293
3.2	Chi trả học phí cho công ty	103,833,240
3.3	Chi nộp thuế Nhà nước	395,555
3.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất	
4	Tồn đến 30/09/2025	4,857,912
B.2	Học thêm kĩ năng sống	
1	Tồn 30/6/2025 chuyển sang	0
2	Tổng thu.	134,930,000
3	Tổng chi.	134,697,101
3.1	Chi quản lý ban giám hiệu, quản lý quỹ	11,131,200
3.2	Chi trả học phí cho công ty liên kết	113,341,200
3.3	Chi nộp thuế Nhà Nước	431,776
3.4	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất	9,792,925
4	Tồn đến 30/09/2025	232,899
B.3	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	
1	Tồn 30/6/2025 chuyển sang	28,983,570
2	Tổng thu.	63,180
3	Tổng chi	0
4	Tồn đến 30/09/2025	29,046,750
B.4	Bảo hiểm y tế học sinh	
1	Tồn 30/6/2025 chuyển sang	
2	Tổng thu	95,935,300
3	Tổng chi	95,776,950
3.1	Chuyển tiền mua bảo hiểm y tế cho học sinh năm 2025	94,190,850
3.2	Chuyển tiền hoàn trả tiền BHYT học sinh do đã có thẻ BHYT	1,586,100
4	Tồn đến 30/09/2025	158,350
B.5	Tiền khác	
1	Tồn 30/6/2025 chuyển sang	1,738,149
2	Tổng thu.	0
3	Tổng chi.	0
4	Tồn đến 30/09/2025	1,738,149
B.6	Khen thưởng	
1	Tồn 30/6/2025 chuyển sang	5,382,000
2	Tổng thu	
3	Tổng chi	0
4	Tồn đến 30/09/2025	5,382,000
B.7	Lãi ngân hàng	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Tồn 30/6/2025 chuyển sang	168,200
2	Tổng thu	30,500
3	Tổng chi	66,000
3.1	Chi trả phí quản lý tài khoản tại ngân hàng, phí chuyển tiền qua ngân hàng	66,000
4	Tồn đến 30/09/2025	132,700
B.8	Tiền ủng hộ, nhân đạo từ thiện	
1	Tồn 30/6/2025 chuyển sang	0
2	Tổng thu	19,245,000
3	Tổng chi	19,245,000
3.1	Cán bộ- Giáo viên - Nhân viên ủng hộ kinh phí chuyển đổi vùng cấp nước xã Tân Minh	13,925,000
3.2	Cán bộ- Giáo viên - Nhân viên ủng hộ Nhân dân Cuba nhân kỷ niệm 65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam – Cuba	5,320,000
4	Tồn đến 30/09/2025	0

Đoàn Lập, ngày 8 tháng 10 năm 2025

KẾ TOÁN


Bùi Thị Thuỷ



HIỆU TRƯỞNG


Vũ Thị Minh

Mã chương: 822

Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Mã ĐVQHNS: 1052055

Mã cấp NS: 4

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 01/10/2025 15:35:39
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD
số 4
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	0	2.774.163.648	2.774.163.648	2.774.163.648	2.774.163.648	2.774.163.648	0	0	0	0
13	072	00000	0	0	7.912.289.513	7.912.289.513	7.912.289.513	5.805.748.309	5.805.748.309	0	0	0	2.106.541.204
18	072	00000	0	0	361.269.000	361.269.000	361.269.000	0	0	0	0	0	361.269.000
Cộng:			0	0	11.047.722.161	11.047.722.161	11.047.722.161	8.579.911.957	8.579.911.957	0	0	0	2.467.810.204
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Quynh50 Dao Xuan

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 01/10/2025 15:35:39
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 4

Người ký: Bùi Thị Thủy
Ngày ký: 01/10/2025 14:06:09
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Người ký: Vũ Thị Minh
Ngày ký: 01/10/2025 14:08:30
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Nguyễn Đức Hùng

Bùi Thị Thùy

Vũ Thị Minh

Mã chương: 822

Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Mã ĐVQHNS: 1052055

Mã cấp NS: 4

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 01/10/2025 15:35:31
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD
Số 4
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, ĐA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)	12	072	6151	00000	0	0	9.360.000	9.360.000	9.360.000	9.360.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	072	6157	00000	0	0	2.850.000	2.850.000	2.850.000	2.850.000
Chi khác	12	072	6449	00000	0	0	1.037.853.648	1.037.853.648	1.037.853.648	1.037.853.648
Nhà cửa	12	072	6907	00000	0	0	1.712.100.000	1.712.100.000	1.712.100.000	1.712.100.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	072	6912	00000	0	0	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	2.754.016.905	2.754.016.905	2.754.016.905	2.754.016.905
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	71.456.400	71.456.400	71.456.400	71.456.400
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	40.365.000	40.365.000	40.365.000	40.365.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	072	6105	00000	0	0	166.655.496	166.655.496	166.655.496	166.655.496
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	072	6107	00000	0	0	4.212.000	4.212.000	4.212.000	4.212.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	934.220.196	934.220.196	934.220.196	934.220.196
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	6.318.000	6.318.000	6.318.000	6.318.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	513.508.270	513.508.270	513.508.270	513.508.270
Thưởng khác	13	072	6249	00000	0	0	14.978.000	14.978.000	14.978.000	14.978.000
Chi khác	13	072	6299	00000	0	0	75.682.000	75.682.000	75.682.000	75.682.000

[illegible]

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Quynh50 Dao Xuan

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 01/10/2025 15:35:31
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 4

Nguyễn Đức Hùng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Bùi Thị Thùy
Ngày ký: 01/10/2025 14:06:27
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Bùi Thị Thùy

Người ký: Vũ Thị Minh
Ngày ký: 01/10/2025 14:08:46
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Vũ Thị Minh

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 9 Năm 2025

Tên đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Mã ĐVQHNS: 1052055

Địa chỉ: Đoàn Lập, Tiên Lãng, Hải Phòng

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản:	3713.0.1052055.00000			
Số dư đầu kỳ	5.382.000			
Phát sinh tăng trong kỳ	4.896			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	5.386.896			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

Quynh50 Dao Xuan

Người ký: Nguyễn Đức Hùng
Ngày ký: 01/10/2025 13:40:29
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực III-PGD số 4

Nguyễn Đức Hùng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Bùi Thị Thủy
Ngày ký: 01/10/2025 10:19:43
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Bùi Thị Thủy

Người ký: Vũ Thị Minh
Ngày ký: 01/10/2025 10:33:40
Đơn vị: Trường Tiểu học Đoàn Lập

Vũ Thị Minh